

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỆ THỦY
TỈNH QUẢNG BÌNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 07/2018/DS- ST

Ngày: 08/10/2018

*“V/v tranh chấp về giao dịch dân sự
, hợp đồng dân sự”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỆ THỦY- TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Sơn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Quang Huy

2. Ông Trương Hải Nam

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Diệu Linh, Thư ký Toà án nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình.

Trong ngày 26 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở, Toà án nhân dân huyện Lệ Thủy mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 08/2018/TLST-DS ngày 02 tháng 5 năm 2018 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2018/QĐXX-ST ngày 19 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Đồng nguyên đơn:* Ông Lê Đại Đ, sinh năm 1947 và bà Lê Thị D, sinh năm 1948.

Đều trú tại: Thôn X, xã V, huyện L, tỉnh Quảng Bình.

Bà Lê Thị D uỷ quyền cho ông Lê Đại Đ được toàn quyền thay mặt bà tham gia giải quyết vụ kiện theo quy định của pháp luật. Ông Đồng có mặt.

2. *Bị đơn:* Chị Trần Thị Phong L, sinh năm 1975

Trú tại: Thôn Ba C, xã V, huyện L, tỉnh Quảng Bình. Có mặt mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 01/4/2018, tại bản tự khai và các biên bản hòa giải trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, ông Lê Đại Đ trình bày:

Do biết chị Trần Thị Phong L là giáo viên công tác tại Trường Tiểu học V, huyện L nên ngày 25/9/2015 khi chị Trần Thị Phong L đến nhà hỏi vay tiền để làm

ăn, vợ chồng ông Đ, bà D đã cho chị Lan vay số tiền 160.000.000 đồng, lãi suất 2,5%/tháng, không ghi thời hạn vay. Đến ngày 30/9/2017, chị L không trả lãi và gốc nên ngày 01/10/2017, ông Đ đã gửi giấy yêu cầu chị L trả nợ gốc vay 160.000.000 đồng và tiền lãi 56.000.000 đồng, tổng cộng 216.000.000 đồng tính đến ngày 30/10/2017. Sau khi nhận được giấy yêu cầu trả nợ, chị L không có phản hồi, đây đưa không chịu trả nợ gốc và lãi nên ngày 01/4/2018 ông Đ, bà D làm đơn khởi kiện đến Tòa án yêu cầu giải quyết buộc chị Trần Thị Phong L trả nợ gốc số tiền 160.000.000 đồng và tiền lãi 56.000.000 đồng tạm tính đến ngày 30/10/2017. Tại phiên tòa, ông Đ yêu cầu Tòa án buộc chị L phải trả cho vợ chồng ông nợ gốc 160.000.000 đồng và lãi 20%/năm/ trên số tiền nợ gốc là 96.000.000 đồng, tổng cộng 256.000.000 đồng, thời gian kể từ ngày 25/9/2015 cho đến ngày xét xử và buộc chị Trần Thị Phong L phải trả thêm khoản lãi phát sinh sau ngày tuyên án đến khi trả hết nợ gốc.

Tại bản tự khai, các biên bản hoà giải và tại phiên tòa, bị đơn chị Trần Thị Phong L trình bày: Do cần tiền làm ăn nên ngày 25/9/2015 chị có vay của vợ chồng ông Đ, bà D số tiền 160.000.000 đồng, lãi suất 2,5%/tháng, số tiền này một mình chị vay để đầu tư buôn bán nên một mình chị tự chịu trách nhiệm hoàn trả cho ông Đ, bà D. Chị đã nhận được giấy yêu cầu trả nợ đề ngày 01/10/2017 của ông Đ, bà D yêu cầu chị trả nợ gốc vay 160.000.000 đồng và tiền lãi 56.000.000 đồng, tổng cộng 216.000.000 đồng tính đến ngày 30/10/2017. Chị thừa nhận vay của ông Đ, bà D số tiền gốc 160.000.000 đồng, lãi suất 2,5%/tháng, trả lãi hàng tháng và chị đã trả tiền lãi cho ông Đ, bà D đến tháng 10/2017 nhưng không ghi giấy tờ gì. Đến tháng 11/2017 do ốm đau và làm ăn thất bại không có tiền trả lãi nên ông Đ, bà D viết giấy yêu cầu trả nợ gốc và lãi. Do hoàn cảnh khó khăn, chị đề nghị được trả nợ gốc số tiền 160.000.000 đồng cho ông Đ, bà D mỗi tháng 2.500.000 đồng cho đến khi hết nợ, đối với số tiền lãi thì khoan lại sau này có điều kiện chị sẽ trả cho ông Đ, bà D. Nếu ông Đ không chấp nhận chị đề nghị Tòa án xem xét tính tiền lãi theo quy định của pháp luật từ tháng 11/2017 đến nay trên số nợ gốc 160.000 000 đồng.

Tại phiên tòa lần thứ nhất ngày 28/8/2018, bị đơn chị Trần Thị Phong L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không rõ lý do và không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Tòa án đã hoãn phiên tòa theo khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng, thẩm quyền và quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ vào đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo, xác định quan hệ pháp luật có tranh chấp là “Hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật

tổ tụng dân sự; bị đơn cư trú tại xã V, huyện L nên vụ án thuộc thẩm quyền của Toà án nhân dân huyện Lê Thuỷ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của đồng nguyên đơn theo giấy vay tiền ngày 25/9/2015 giữa vợ chồng ông Lê Đại Đ, bà Lê Thị D với chị Trần Thị Phong L và sự thừa nhận của bị đơn, có cơ sở xác định vào ngày 25/9/2015 chị Trần Thị Phong L vay của vợ chồng ông Đ, bà D số tiền 160.000.000 đồng, thời gian vay kể từ ngày 25/9/2015, lãi suất 2,5%/tháng, hợp đồng vay không kỳ hạn và không ghi phương thức trả lãi.

Chị L trình bày đã trả lãi cho ông Đ, bà D đến tháng 10/2017 nhưng ông Đ trình bày chị L chưa trả tiền lãi kể từ ngày vay tiền, chị L cũng không có tài liệu, chứng cứ nào chứng minh đã trả lãi cho ông Đ, bà D đến tháng 10/2017 nên cần chấp nhận yêu cầu của ông Đ về việc tính lãi từ ngày 25/9/2015.

Ông Đ, bà D đã gửi cho chị L giấy yêu cầu trả nợ trong thời hạn một tháng nhưng chị L không phản hồi, sau khoảng ba tháng, ngày 01/4/2018, ông Đ, bà D nộp đơn khởi kiện đến Toà án; thời gian từ khi gửi giấy yêu cầu chị L trả nợ đến ngày khởi kiện được coi là báo trước cho bên vay một thời gian hợp lý đối với hợp đồng vay không kỳ hạn và có lãi. Vì vậy, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu của ông Đ, bà D buộc chị Trần Thị Phong L phải trả nợ cho ông Đ, bà D số tiền 256.000.000 đồng, trong đó nợ gốc 160.000.000 đồng và tiền lãi 96.000.000 đồng là phù hợp với các Điều 357, 463, 466, 468, 469, 688 của Bộ luật dân sự.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của đồng nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm bằng 5% số tiền phải trả cho đồng nguyên đơn theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo Điều 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 357, 463, 466, 468, 469, 688 của Bộ luật dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của đồng nguyên đơn ông Lê Đại Đ, bà Lê Thị D, buộc chị Trần Thị Phong L có nghĩa vụ trả cho ông Lê Đại Đ, bà Lê Thị D số tiền nợ tổng cộng 256.000.000 đ (Hai trăm năm mươi sáu triệu đồng), trong đó số tiền gốc là 160.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi triệu đồng), tiền lãi là 96.000.000 đ (Chín mươi sáu triệu đồng).

2/ Kế tiếp sau ngày tuyên án sơ thẩm (26/9/2018) cho đến khi bên phải thi hành án trả hết nợ gốc, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi trên số tiền gốc chậm thanh toán tương ứng với thời gian chậm thanh toán theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự.

3/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị Phong L phải chịu 12.800.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm để sung công quỹ Nhà nước. Ông Lê Đại Đ, bà Lê Thị D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; trả lại cho ông Lê Đại Đ, bà Lê Thị D số tiền tạm ứng án phí 5.662.500 đồng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lệ Thủy theo biên lai số 0001756 ngày 02/5/2018

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai, các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (26/9/2018) để xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Lệ Thủy;
- TAND tỉnh QB;
- Chi cục THADS Lệ Thủy;
- Lưu HS, VP.

Nguyễn Ngọc Sơn